

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

2/ Ông **Trần Văn Ân**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Nguyễn Mộng Cẩm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B thành hôn vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn

do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên đi sớm về khuya, không quan tâm lo lắng cho vợ con, đam mê cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Bảo O, sinh ngày 05/9/2017 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 30/11/2022, người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là mẹ ruột của chị N, giữa chị N và anh B thành hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn chị N và anh B đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, đến khi chị N sinh con được 13 ngày thì bà rước về ở bên gia đình bà cho đến nay. Trong quá trình chung sống thời gian đầu giữa chị N và anh B sống hạnh phúc, sau khi chị N sinh con thì anh B sử dụng số tiền chung của vợ chồng để tiêu xài hết dẫn đến vợ chồng cự cãi và ly thân từ năm 2018 đến nay không hàn gắn lại được. Về con chung của chị N và anh B là cháu Phạm Nguyễn Bảo O, sinh ngày 05/9/2017 hiện đang sống chung với chị N và bà, hiện cháu O học lớp lá, cuộc sống của cháu đảm bảo, cháu phát triển tốt, học giỏi, chị N đi làm thuê đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với anh Phạm Văn B. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Bảo O, sinh ngày 05/9/2017 cho chị N nuôi dưỡng, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem

xét. Về quan hệ tài sản: Chị N khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng 01 vụ án khác. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N nộp 300.000đ án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014811, chị N đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Phạm Văn B cư trú tại ấp Hiệp Thạnh, xã Hoà Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N có đơn xin vắng mặt ngày 30/11/2022, bị đơn anh Phạm Văn B được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà V đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Phạm Văn B thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 vào ngày 20/5/2017 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh B thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh B không quan tâm lo lắng cho gia đình, ham mê cờ bạc gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và vợ chồng ly thân từ tháng 9/2018 đến nay không hàn gắn lại được. Theo lời trình bày của chị N cũng như bà V là mẹ ruột của chị N đều xác định giữa chị N và anh B có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng ly thân thời gian dài không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh B vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm

giữa chị N và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Phạm Nguyễn Bảo O, sinh ngày 05/9/2017 hiện đang sống trực tiếp với chị N, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N. Xử cho chị N ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Bảo O, sinh ngày 05/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0014811 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện C, TP. Cần Thơ
(Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 20/5/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An